

Số: 744/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực vận tải giai đoạn 2016 - 2020
và định hướng đến năm 2025

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. ĐÀ NẴNG

ĐẾN

Số: 329b

Ngày: 28/3/2017

Chuyển:

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 04/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 24/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành giao thông vận tải phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3177/QĐ-BGTVT ngày 20/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành giao thông vận tải phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu lĩnh vực vận tải giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025” với các nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Tái cơ cấu lĩnh vực vận tải là một một hợp phần quan trọng của tái cơ cấu ngành giao thông vận tải, vì vậy phải đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với nội dung Đề án Tái cơ cấu ngành giao thông vận tải phục vụ sự nghiệp công

nghiệp hoá, hiện đại hoá đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 24/7/2014.

2. Tái cơ cấu lĩnh vực vận tải phải gắn với đảm bảo thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 04/3/2014, nhằm phát triển vận tải hài hoà, bền vững theo hướng hiện đại trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của từng phương thức vận tải, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, đẩy mạnh phát triển vận tải đa phương thức trên các hành lang vận tải, giao thông công cộng đô thị, nâng cao năng lực vận tải quốc tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Giai đoạn đến năm 2020

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, tăng cường vai trò quản lý nhà nước chuyên ngành, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và kinh doanh thương mại, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, công khai, minh bạch; Bảo đảm các điều kiện cần thiết để tái cơ cấu lực lượng vận tải, đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh vận tải; hoàn thành cổ phần hóa toàn bộ doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực vận tải. Phát triển đội ngũ các doanh nghiệp vận tải có quy mô phong phú, mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến, trình độ nhân lực và mức độ ứng dụng công nghệ trong quản trị doanh nghiệp cao; từng bước mở rộng đầu tư kinh doanh vận tải ra các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Đáp ứng nhu cầu vận tải đa dạng của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành của vận tải hàng hóa là 9,1%/năm, vận tải hành khách là 10,7%/năm.

- Phát triển thị trường vận tải có cơ cấu hợp lý theo hướng giảm thị phần vận tải đường bộ, tăng thị phần vận tải đường sắt, đường biển, đường thủy nội địa và hàng không, đặc biệt trên các hành lang vận tải chính với một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020 như sau: Thị phần vận tải hàng hóa (liên tỉnh): đường bộ chiếm khoảng 54,4%; đường sắt 4,3%; đường thủy nội địa 32,4%, đường biển 8,85% và hàng không 0,04%; thị phần vận tải hành khách (liên tỉnh): đường bộ khoảng 93,22%, đường sắt 3,38%, đường thủy nội địa 0,17% và hàng không 3,23%; tỷ lệ đảm nhận vận tải hành khách công cộng của Hà Nội đáp ứng khoảng 25% nhu cầu đi lại, trong đó đường sắt đô thị chiếm 4-5%; của thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng khoảng 20% nhu cầu đi lại, trong đó đường sắt đô thị 4 - 5%.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đạt mức tiên tiến trong khu vực với chi phí phù hợp, góp phần giảm chi phí logistics của Việt

Nam xuống tương đương khoảng 15% GDP; tăng cường an toàn giao thông; kiểm soát, phòng ngừa, hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường trong hoạt động vận tải.

b) Định hướng đến năm 2025

- Cơ bản hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách về quản lý và phát triển vận tải, đảm bảo vai trò quản lý nhà nước chuyên ngành. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Tiếp tục cải thiện thị phần vận tải theo hướng tăng thị phần vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không, giảm thị phần vận tải đường bộ.

- Đẩy mạnh phát triển vận tải đa phương thức trên các hành lang vận tải chính, đặc biệt là hành lang vận tải Bắc - Nam, các hành lang vận tải đến các cảng biển cửa ngõ quốc tế.

- Tiếp tục nâng cao hoạt động vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics, giảm chi phí logistics của Việt Nam.

- Xây dựng hệ thống dịch vụ vận tải thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, kiểm soát được các thành phần gây ô nhiễm môi trường trong các hoạt động vận tải.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đường bộ

- Phát huy lợi thế của vận tải đường bộ, chú trọng vận chuyển cự ly ngắn và trung bình. Đến năm 2020, sản lượng vận tải hàng hóa liên tỉnh đường bộ đạt 599 triệu tấn, chiếm 54,39% thị phần vận tải hàng hóa liên tỉnh, tốc độ tăng trưởng 8,61%/năm; sản lượng vận tải hành khách liên tỉnh đường bộ đạt 1.105 triệu lượt hành khách, chiếm 93,22% thị phần vận tải hành khách liên tỉnh, tốc độ tăng trưởng 9,19%/năm.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến để tham gia kinh doanh vận tải, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đi đôi với giảm chi phí vận tải, thúc đẩy hình thành các đơn vị vận tải có quy mô vừa và lớn, với mục tiêu: Đến năm 2020, giảm lượng xe chạy rỗng từ 10 - 15% so với hiện nay, giảm tỷ trọng chi phí vận tải hàng hóa bằng đường bộ từ 3 - 5 % trong cơ cấu chi phí logistics; quản lý chất lượng dịch vụ vận tải theo tiêu chuẩn và tiến tới quản lý chất lượng theo quy chuẩn; các đơn vị vận tải đưa ra các dịch vụ vận tải hành khách đảm bảo chất lượng đã đăng ký trong đó chú trọng vận tải hành khách chất lượng cao.

- Tái cơ cấu đoàn phương tiện theo hướng ưu tiên phát triển phương tiện vận tải công cộng, phương tiện có chất lượng cao, an toàn và thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đồng bộ, tương thích giữa các loại hình vận tải trong đô thị và từ trung tâm đô thị đến các huyện thị thuộc tỉnh, thành phố, từ các đô thị đặc biệt đến các đô thị vệ tinh, các khu công nghiệp. Phát triển và nâng cao chất lượng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Có các giải pháp phù hợp theo lộ trình để kiểm soát sự gia tăng phương tiện cá nhân nhằm giảm ùn tắc của giao thông.

- Hàng năm, giảm từ 5 - 10% số vụ tai nạn giao thông, số người chết và số người bị thương do phương tiện vận tải đường bộ gây ra.

b) Đường sắt

- Tái cơ cấu vận tải đường sắt theo hướng đảm nhận vận tải hàng hóa khối lượng lớn trên chặng đường dài hoặc trung bình; vận tải hành khách cự ly trung bình và hành khách công cộng tại các thành phố lớn. Từng bước tăng thị phần vận tải đường sắt trên các hành lang vận tải chủ yếu và vận tải hành khách công cộng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- Đến năm 2020, sản lượng vận tải hàng hóa liên tỉnh đường sắt đạt 47,77 triệu tấn, chiếm 4,34% thị phần vận tải hàng hóa liên tỉnh, tốc độ tăng trưởng 30,30%/năm. Sản lượng vận tải hành khách liên tỉnh đường sắt đạt 40,02 triệu lượt hành khách, chiếm 3,38% thị phần vận tải hành khách liên tỉnh, tốc độ tăng trưởng 16,94%/năm.

- Nâng cao tỷ lệ tàu khách đi đến đúng giờ cụ thể: tỷ lệ tàu đi đúng giờ đạt trên 95%; tỷ lệ tàu đến đúng giờ đạt trên 90%.

- Phát triển phương tiện đường sắt theo hướng hiện đại, công suất hợp lý, tiết kiệm nhiên liệu, hiệu quả.

- Giảm giá thành, chi phí vận tải đường sắt, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải để cạnh tranh lành mạnh với các loại hình vận tải khác.

c) Đường biển

- Tái cơ cấu vận tải biển theo hướng chủ yếu đảm nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, tuyến quốc tế, các tuyến ven biển, nhất là vận tải Bắc - Nam, vận tải than nhập khẩu phục vụ các nhà máy nhiệt điện, vận chuyển dầu thô phục vụ các nhà máy lọc dầu, ga, khí hóa lỏng, xi măng...

- Đến năm 2020, sản lượng vận tải hàng hóa liên tỉnh đường biển đạt 97,50 triệu tấn, chiếm 8,85% thị phần vận tải hàng hóa liên tỉnh, tốc độ tăng trưởng 13,30%/năm. Sản lượng vận tải hành khách đường biển đạt khoảng 3,75 triệu lượt hành khách, chiếm 0,06% thị phần vận tải hành khách toàn ngành.

- Phát triển đội tàu biển Việt Nam theo hướng hiện đại, hiệu quả; chú trọng phát triển các loại tàu chuyên dụng có trọng tải lớn. Đến năm 2020, tổng trọng tải đội tàu đạt khoảng 6,8 - 7,5 triệu DWT.

- Nâng cao thị phần vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu lên 25 - 30%.
Phát triển tuyến vận tải hành khách ven biển, hải đảo.

d) Đường thủy nội địa

- Tái cơ cấu vận tải đường thủy nội địa theo hướng chủ yếu đảm nhận vận tải hàng rời khối lượng lớn, vận tải hàng siêu trường, siêu trọng, vận tải chuyên tiếp phục vụ nông nghiệp và nông thôn; tăng thị phần đảm nhận của vận tải đường thủy nội địa, vận tải sông pha biển; vận tải container trên các hành lang vận tải chính.

- Đến năm 2020, sản lượng vận tải hàng hóa liên tỉnh đường thủy nội địa đạt 356,62 triệu tấn, chiếm 32,38% thị phần vận tải hàng hóa liên tỉnh, tốc độ tăng trưởng 11,20%/năm. Sản lượng vận tải hành khách liên tỉnh đường thủy nội địa đạt 2,00 triệu lượt hành khách, chiếm 0,17% thị phần vận tải hành khách liên tỉnh, tốc độ tăng trưởng 7,95%/năm.

- Nâng cao chất lượng vận tải thủy nội địa theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển phương tiện vận tải hiện đại với cơ cấu hợp lý, phù hợp với điều kiện luồng tuyến, tăng tốc độ hành thủy, giảm thời gian và chi phí vận tải; ưu tiên phát triển đội tàu chở container; nâng cao năng lực bốc xếp, các dịch vụ kho bãi, đặc biệt là đối với hàng hóa vận chuyển bằng container.

- Phân đầu đến năm 2020 tổng trọng tải phương tiện thủy nội địa chở hàng khoảng 26 - 30 triệu tấn, tổng số ghế phương tiện thủy nội địa chở khách khoảng 750.000 ghế, trong đó có trên 1000 phương tiện mang cấp VR-SB tham gia hoạt động sông pha biển.

- Phân đầu đến năm 2020 có khoảng 160 cảng hàng hóa đưa vào khai thác, sản lượng hàng hóa thông qua đạt khoảng 92 triệu tấn và trên 30 cảng hành khách đưa vào hoạt động, đạt trên 30 triệu lượt hành khách/năm.

đ) Hàng không

- Tái cơ cấu vận tải hàng không theo hướng phát triển vận tải hàng không trở thành loại hình giao thông phổ biến, thuận tiện; đảm nhận vận tải hành khách tầm trung và dài, tuyến quốc tế, vận tải các vùng kinh tế trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng biển đảo và vận tải hàng hoá mà vận tải hàng không có ưu thế.

- Đến năm 2020, sản lượng vận tải hàng hóa liên tỉnh hàng không đạt 0,489 triệu tấn, chiếm 0,04% thị phần vận tải hàng hóa liên tỉnh, tốc độ tăng trưởng 19,45%/năm. Sản lượng vận tải hành khách liên tỉnh hàng không đạt 38,34 triệu lượt hành khách, chiếm 3,23% thị phần vận tải hành khách liên tỉnh, tốc độ tăng trưởng 15,99%/năm. Tăng thị phần vận tải hành khách quốc tế của các hãng hàng không Việt Nam lên 45,9%.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường vận tải hàng không, phấn đấu đến năm 2020, thị trường vận tải hàng không Việt Nam đứng thứ 5 trong ASEAN.

- Phát huy thế mạnh các thị trường truyền thống, kết hợp với thúc đẩy kết nối vận tải hàng không, mở thêm các đường bay mới tới các khu vực châu Âu, Bắc Mỹ, Mỹ La tinh và châu Phi. Có hoạt động khai thác quốc tế thường lệ đến toàn bộ các cảng hàng không quốc tế được công bố, tăng tần suất trên các đường bay hiện tại đến toàn bộ các cảng hàng không nội địa.

- Tạo môi trường thuận lợi, cạnh tranh cho hoạt động của các hãng hàng không. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các hãng hàng không Việt Nam theo hướng hiện đại hóa đội tàu bay, mở rộng mạng đường bay, tăng cường chất lượng dịch vụ. Tăng cường các biện pháp kiểm soát giảm tỷ lệ chậm chuyến, hủy chuyến của các hãng hàng không Việt Nam, giảm tỷ lệ không hài lòng của hành khách đối với dịch vụ hàng không và phí hàng không qua các năm.

- Đảm bảo tuyệt đối an ninh, an toàn hàng không.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh; thu hút các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh vận tải; đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính trong lĩnh vực vận tải.

- Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng, vận tải đa phương thức, vận tải hàng hoá khối lượng lớn trên các hành lang chính phù hợp với thực tiễn phát triển.

- Xây dựng cơ chế chính sách xã hội hóa đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải (cảng cạn, cảng biển, cảng thủy nội địa, trạm dừng nghỉ...).

2. Nâng cao chất lượng công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải, các quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt; gắn kết các mục tiêu, giải pháp và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch với mục tiêu, giải pháp thực hiện tái cơ cấu ngành giao thông vận tải, tái cơ cấu lĩnh vực vận tải.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chiến lược, quy hoạch đảm bảo tính công khai, minh bạch và nâng cao tính khả thi của quy hoạch.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện hệ thống và chỉ tiêu thống kê ngành giao thông vận tải, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

3. Tăng cường kết nối, phát triển hợp lý các phương thức vận tải, vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics

- Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch phát triển trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở hoàn thiện quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn. Triển khai thực hiện kêu gọi đầu tư hệ thống cảng cạn theo quy hoạch được duyệt; ưu tiên đầu tư các cảng cạn là các đầu mối tổ chức vận tải đa phương thức và cung cấp dịch vụ logistics, kết nối các phương thức vận tải.

- Xây dựng các trung tâm logistics hàng không gắn liền với các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, các khu dịch vụ logistics sau cảng tại các cảng cửa ngõ quốc tế Vũng Tàu (Cái Mép - Thị Vải) và Hải Phòng (Lạch Huyện); cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới các ga đường sắt đầu mối hàng hóa tại Hà Nội, Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng...; triển khai đầu tư xây dựng cảng container Phù Đổng nhằm phát triển vận tải container đường thủy nội địa từ cảng Hải Phòng về các địa phương khu vực phía Bắc.

- Tăng cường đẩy mạnh phát triển vận tải container thông qua việc nâng cấp, đầu tư trang thiết bị bốc xếp container tại các cảng đầu cuối, phát triển phương tiện vận tải chuyên dụng.

- Tập trung giải quyết dứt điểm các nút thắt, các điểm tắc nghẽn trên các tuyến đường thủy nội địa huyết mạch như các cầu có tĩnh không thấp, các đoạn tuyến sông huyết mạch cần xây dựng, mở rộng để tăng tốc độ lưu thông phương tiện...

- Khuyến khích, tạo thuận lợi các doanh nghiệp dịch vụ logistics, các doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển lớn chủ động liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, đường bộ để cung cấp các dịch vụ vận tải đa phương thức và các dịch vụ logistics trọn gói. Nâng cao năng lực của các doanh nghiệp đường sắt, đường thủy nội địa trong việc đầu tư phương tiện và cung cấp các dịch vụ vận tải, kho bãi, giao nhận container.

- Khuyến khích các doanh nghiệp vận tải và chủ hàng sử dụng sàn giao dịch vận tải; tiếp tục tăng cường hoạt động của tuyến vận tải sông pha biển.

- Tiếp tục phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các bộ, ngành có liên quan đề tham mưu cho Chính phủ thành lập cơ quan điều phối hoạt động logistics quốc gia.

4. Khai thác có hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hiện có; ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình có tính trọng yếu để tạo sự đột phá trong phát triển vận tải và thực hiện tái cơ cấu vận tải

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nhằm kiểm soát tải trọng phương tiện đường bộ, tăng cường kiểm soát tải trọng tại các ga, cảng, kho bãi... bốc xếp hàng hoá.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm khai thác hiệu quả các cảng cửa ngõ quốc tế khu vực Cái Mép - Thị Vải.

- Tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông.

- Triển khai các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng quan trọng làm nền tảng cho tái cơ cấu vận tải như: cảng Lạch Huyện, kênh Quan Chánh Bó, kênh Chợ Gạo; tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; dự án nâng cấp hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam, ưu tiên các đoạn Hà Nội - Vinh, TP. Hồ Chí Minh - Nha Trang; tiếp tục đầu tư để đưa vào khai thác toàn tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân; cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Lạng Sơn; xây dựng các tuyến đường sắt kết nối với các cảng Lạch Huyện, Nghi Sơn, Thị Vải; đầu tư nâng cấp cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, nghiên cứu xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức giao thông nhằm giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông; sớm hoàn thành, trình Chính phủ và Quốc hội phê duyệt dự án khả thi xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

5. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách

- Triển khai thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành theo đúng quy định của Luật đầu tư công. Xây dựng, ban hành cơ chế đặc thù cho các dự án đầu tư công trình giao thông đặc biệt quan trọng.

- Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư các dịch vụ vận tải với sự hỗ trợ của nhà nước về cấp đất, ưu đãi thuế, vốn vay... Triển khai thực hiện mạnh mẽ, quyết liệt và có hiệu quả các Đề án Huy động vốn xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh chính sách xã hội hóa trong kinh doanh vận tải đường sắt, dịch vụ hỗ trợ vận tải; thu hút mạnh các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư hoặc liên doanh, liên kết đầu tư hạ tầng, phương tiện và khai thác, kinh doanh vận tải đường sắt.

- Thí điểm triển khai xã hội hóa cải tạo nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo giai đoạn II, sông Hàm Luông, sông Sài Gòn... theo hình thức PPP.

- Xây dựng các phương án cụ thể để huy động vốn đầu tư cho các dự án đầu tư lớn của ngành như dự án đầu tư tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông, dự án đầu tư Cảng hàng không quốc tế Long Thành...

- Kêu gọi xã hội hóa đầu tư nâng cấp, cải tạo kho, bãi hàng, đầu tư thiết bị xếp dỡ... tại các ga đường sắt.

6. Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp

- Hoàn thành quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) và Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC) theo các đề án tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục xây dựng các phương án nhằm tái cơ cấu và đổi mới toàn diện Tổng công ty Đường sắt Việt Nam khi Luật đường sắt sửa đổi được Quốc hội phê duyệt. Rà soát, sắp xếp các đơn vị vận tải hành khách và hàng hoá đường sắt theo hướng chuyên môn hoá.

- Hoàn thành việc cổ phần hóa Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Nhà nước giữ cổ phần chi phối 65 - 75%; tiếp tục đẩy mạnh việc tái cơ cấu Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong quản lý, khai thác vận tải

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, khai thác vận tải, liên kết các phương thức vận tải, quản lý vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động vận tải của các phương thức, thống kê số liệu vận tải; các phần mềm quản lý hoạt động vận tải, quản lý phương tiện, quản lý hoạt động của các Sàn Giao dịch vận tải..., đảm bảo đồng bộ thống nhất, kết nối giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các đơn vị kinh doanh vận tải trong toàn quốc.

- Đổi mới phương tiện vận tải nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm quản lý phát triển giao thông đô thị ở các thành phố lớn; ưu tiên phát triển vận tải hành khách công cộng, đặc biệt là các loại hình vận tải nhanh, khối lượng lớn. Ứng dụng khoa học - công nghệ để kiểm soát và từng bước hạn chế phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông tại các thành phố lớn.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành trong lĩnh vực vận tải.

a) Đường bộ

- Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý vận tải đường bộ, các đối tượng khách hàng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý, khai thác hệ thống trung tâm điều hành vận tải, trạm dừng nghỉ, kiểm soát tải trọng xe, hệ thống giao thông thông minh, trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe, triển khai đồng bộ thiết bị kiểm soát hành trình.

- Áp dụng công nghệ RFID để triển khai đồng bộ hệ thống thu phí không dừng trên toàn quốc trước năm 2020; sau năm 2020 sẽ thu phí tự động hoàn toàn

tại tất cả trạm BOT. Nghiên cứu quy chuẩn, tiêu chuẩn vé điện tử được sử dụng chung trong hoạt động vận tải hành khách.

b) Đường sắt

- Ứng dụng khoa học - công nghệ trong tổ chức điều hành vận tải, tăng năng lực thông qua và an toàn trên các tuyến cho cả tàu khách và tàu hàng, đặc biệt là tuyến Hà Nội - TP Hồ Chí Minh; quản lý khai thác các tuyến đường sắt đô thị ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

- Hoàn thiện, mở rộng hệ thống bán vé điện tử và dịch vụ thông tin khách hàng trên tất cả các tuyến đường sắt.

- Nghiên cứu đổi mới công nghệ khai thác đầu máy, toa xe và trang thiết bị xếp dỡ, hiện đại hóa công tác tổ chức chạy tàu.

c) Đường thủy nội địa

- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao tốc độ chạy tàu, nâng cao năng lực xếp dỡ; phát triển và nâng cao năng lực vận tải sông pha biển, vận tải container, vận tải hàng siêu trường, siêu trọng.

- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong công tác quản lý, cải tiến trang thiết bị báo hiệu đường thủy; Nghiên cứu triển khai lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (AIS) và trang bị thiết bị VHF trên phương tiện thủy nội địa.

d) Đường biển

- Ứng dụng và từng bước làm chủ công nghệ tiên tiến trong khai thác cảng biển, vận tải biển và dịch vụ hàng hải như: tự động nhận dạng container ứng dụng hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử hàng hải nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác luồng hàng hải, hiện đại hóa hệ thống báo hiệu hàng hải; hệ thống các đài thông tin duyên hải Việt Nam; phát triển các hệ thống thông tin hỗ trợ hàng hải, quản lý và theo dõi tàu thuyền hoạt động trên biển; hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin ngành hàng hải.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, thiết lập hệ thống các trạm quan trắc thủy hải văn tự động nhằm bảo đảm an toàn hàng hải tại các khu vực có mật độ lớn tàu thuyền và chế độ thủy hải văn phức tạp.

đ) Hàng không

- Tiếp tục hiện đại hóa công nghệ trong các lĩnh vực hoạt động thương mại, kỹ thuật khai thác và quản lý như công nghệ tự động hóa, số hóa, công nghệ dẫn đường, giám sát và quản lý không lưu thông qua vệ tinh.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ, áp dụng công nghệ thông tin trong quá trình khai thác phương tiện, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho các cảng hàng không; các khâu đặt chỗ, bán vé, làm thủ tục hàng không; làm chủ

công nghệ quản lý, khai thác các tàu bay thế hệ mới; thực hiện tự do hóa vận tải hàng không theo lộ trình cam kết.

8. Nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Cập nhật, cải tiến nội dung chương trình đào tạo về vận tải, logistics, áp dụng phương pháp đào tạo tiên tiến, theo hướng đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, tăng thời gian đào tạo thực hành.

- Nâng cao năng lực và trang thiết bị cho các cơ sở đào tạo, huấn luyện, đặc biệt là đào tạo phi công, kiểm soát viên không lưu, sĩ quan, thuyền viên hàng hải; tăng cường phối hợp và gắn kết giữa đơn vị sử dụng nguồn nhân lực với các cơ sở đào tạo, huấn luyện để đảm bảo nhân lực có kiến thức và kỹ năng sát với nhu cầu thực tế công việc và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực đã được đào tạo.

- Mở rộng các hình thức đào tạo, đào tạo lại; xã hội hóa công tác đào tạo để nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, công chức, viên chức và người lao động; tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác đào tạo.

9. Cải cách thủ tục hành chính

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của Bộ Giao thông vận tải, trong đó tiếp tục thực hiện việc kiểm soát thủ tục hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nói chung và thủ tục hành chính nội bộ, đẩy mạnh thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm thực hiện đúng lộ trình đề ra.

- Tiếp tục thực hiện các đề án liên quan đến cải cách hành chính, cải cách công vụ, công chức, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng và triển khai đề án Hiện đại hóa công tác quản lý hành chính nhà nước của các Tổng cục, cục quản lý chuyên ngành.

- Định kỳ tổ chức các hội nghị tiếp xúc với doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt tình hình thực tế, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, phát triển.

10. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động vận tải của tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải, các quy định về đăng ký, đăng kiểm phương tiện, các quy định về đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Thực hiện nghiêm Chi thị số 29/CT-TTT ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý phương tiện giao thông đường bộ hết niên hạn sử dụng, quá hạn kiểm định. Kiên quyết xử lý các phương tiện không đảm bảo các điều kiện về đăng ký, đăng kiểm để đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động vận tải.

- Xử lý nghiêm các vi phạm về tải trọng xe, vắn đề xe dù, bên cóc, xe dùng, đón khách dọc đường không đúng quy định, việc quản lý, lắp đặt, sử dụng thiết bị giám sát hành trình xe, việc cấp và sử dụng phù hiệu, kê khai, niêm yết giá cước của các đơn vị vận tải... Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong việc quản lý, giám sát và xử lý vi phạm về hoạt động vận tải trên địa bàn.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động vận tải hành khách qua hợp đồng du lịch; sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phù hiệu xe, cách thức nhận biết phương tiện theo đặc trưng loại hình hoạt động kinh doanh vận tải.

- Tăng cường quản lý xe hợp đồng điện tử. Hướng dẫn các đơn vị vận tải triển khai thực hiện đề án thí điểm đã được phê duyệt. Đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử lý vi phạm với xe hợp đồng dưới 9 chỗ; đặc biệt đối với các trường hợp sử dụng phần mềm không đúng quy định.

- Bảo đảm sự tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, thời gian làm việc của lái xe trong ngày, thời gian lái xe liên tục, theo quy định của luật giao thông đường bộ.

11. Một số giải pháp khác

a) Đường bộ

- Thực hiện phân loại được các đơn vị vận tải theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách bằng xe ô tô thành các hạng tương ứng với mức độ đạt được về chất lượng dịch vụ vận tải; Công bố các doanh nghiệp an toàn, chất lượng dịch vụ tốt.

- Tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách liên tỉnh đường bộ toàn quốc; xây dựng và quản lý quy hoạch hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, các trung tâm trung chuyển hàng hóa theo hướng hiện đại nhằm tăng hiệu quả khai thác, giảm chi phí cho doanh nghiệp, góp phần giảm ùn tắc giao thông, tạo thuận lợi cho người dân đi lại.

- Tiếp tục rà soát lại tổng mức đầu tư, số liệu đầu vào của các dự án BOT, đặc biệt là các dự án BOT đường bộ, kết hợp với điều tra thực tế lưu lượng phương tiện trên các tuyến làm cơ sở so sánh, đối chiếu, tính toán xác định lại thời gian hoàn vốn, mức thu phí một cách chính xác nhằm đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp, người tham gia vận tải và nhà đầu tư. Rà soát các dự án BOT theo tinh thần Nghị quyết số 35/NQ-CP và Nghị quyết số 49/NQ-CP năm 2016 của Chính phủ. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tính minh bạch đối với các dự án BOT.

- Đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa đầu tư bến xe, trạm dừng nghỉ.

- Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích các đơn vị vận tải sử dụng phương tiện dùng nhiên liệu sạch, đặc biệt trong hoạt động vận tải hành khách công cộng tại các đô thị.

b) Đường sắt

- Thực hiện tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước với chức năng kinh doanh vận tải đường sắt của doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt để đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt đối xử trong hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt. Nghiên cứu xây dựng các hành lang pháp lý liên quan đến xã hội hóa đầu tư ngành đường sắt giúp các tổ chức, cá nhân có căn cứ thực hiện khi có nhu cầu tham gia đầu tư.

- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách phí, giá sử dụng kết cấu hạ tầng và dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt hợp lý.

- Hoàn thiện và triển khai thực hiện dự án hiện đại hóa trung tâm điều hành vận tải đường sắt.

- Tiếp tục đưa vào khai thác và tăng tần suất các đoàn tàu nhanh, đảm bảo đúng giờ. Nâng cao năng lực xếp dỡ, kho bãi, dịch vụ logistics tại các ga đầu mối tuyến Bắc - Nam, Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Đồng Đăng, Hà Nội - Hải Phòng... thông qua các hình thức xã hội hóa, liên doanh, liên kết...

- Tập trung đầu tư nâng cấp các nhà ga, đặc biệt các công trình phục vụ hành khách; bố trí, sắp xếp các khu vực đưa, đón khách của các phương tiện vận tải khác (xe buýt, taxi, xe gắn máy...) đảm bảo thuận tiện, an toàn, văn minh.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống vé tàu điện tử.

c) Đường thủy nội địa

- Giải quyết dứt điểm một số vướng mắc hiện nay liên quan đến thủ tục hải quan, biên phòng trên tuyến vận tải thủy trọng điểm như tuyến liên vận Việt Nam - Campuchia tại phía Nam, tình trạng chông lán giữa đường thủy nội địa và đường biển về thủ tục hành chính, thu phí, chấm dứt việc thu phí hai lần, về kết nối vận tải thủy với cảng biển Cái Mép - Thị Vải, cải tạo thông luồng sông Đồng Nai, thí điểm lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên phương tiện thủy tại TP Hồ Chí Minh...

- Tăng cường vận tải container đường thủy nội địa, bao gồm cả trên các tuyến vận tải sông pha biển; gắn kết chặt chẽ với việc phát triển hệ thống cảng cạn ở khu vực phía Nam.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đường thủy theo Luật Giao thông đường thủy nội địa ở các địa phương, đảm bảo thực hiện trách nhiệm, thẩm quyền quản lý theo quy định của luật.

d) Đường biển

- Tiếp tục làm việc với các cơ quan liên quan để sớm hoàn thiện Quy chế vận hành Cổng Thông tin điện tử quốc gia, bảo đảm thực hiện cơ chế "một cửa điện tử" trong quản lý hoạt động cảng biển.

- Tăng cường năng lực các tuyến luồng hàng hải vào các khu vực trọng điểm, đầu tư mở rộng nâng cấp tuyến luồng đảm bảo chuẩn tắc, lắp đặt hệ thống quản lý hàng hải điện tử (VTS, AIS).

- Đầu tư phát triển hệ thống cảng cạn hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics.

- Nạo vét các tuyến luồng, lạch, bảo đảm độ sâu ổn định, giảm thời gian vận tải.

- Triển khai thực hiện Nghị định quy định niêm yết phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyên bằng đường biển, giá dịch vụ cảng biển để kiểm soát việc thu phụ phí của hãng tàu biển.

đ) Hàng không

- Quyết liệt thực hiện các giải pháp để nâng cao tỷ lệ các chuyến bay đúng giờ, hạn chế tối đa các nguyên nhân gây nên tình trạng chậm chuyến, hủy chuyến của các hãng hàng không.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Đầu tư nâng cấp, mở rộng, nâng cao năng lực thông qua của các cảng hàng không.

- Phối hợp với các tổ chức, ban ngành, đoàn thể tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Sổ tay hướng dẫn hành khách đi tàu bay với mục đích giúp hành khách nắm rõ các quy định khi tham gia giao thông bằng đường hàng không.

- Triển khai chương trình khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của hành khách về chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không.

- Tối ưu hóa các đường hàng không, phương thức bay, đồng thời áp dụng dẫn đường theo tính năng và dẫn đường khu vực. Tối ưu và minh bạch hóa công tác điều phối giờ hạ/cất cánh. Triển khai các chương trình khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của hành khách về chất lượng dịch vụ hàng không. Tổ chức các biện pháp tuyên truyền, phổ biến sổ tay hướng dẫn hành khách đi tàu bay.

- Quản lý tốt giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ các giải pháp nêu trên và nhiệm vụ được giao cụ thể (tại Phụ lục) xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết trước ngày 31/3/2017; định kỳ báo cáo hàng quý, gửi về Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng cuối quý để tổng hợp.

2. Các Vụ, Ban PPP, Thanh tra Bộ, Trung tâm Công nghệ thông tin chủ động chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các giải pháp và nhiệm vụ được nêu tại Quyết định này.

3. Vụ Vận tải chủ trì kiểm tra, theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án, đề xuất với Lãnh đạo Bộ giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc.

4. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai Đề án và phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung của Đề án.

5. Các trường, cơ sở đào tạo thuộc Bộ: Rà soát, đổi mới, các chương trình đào tạo liên quan đến ngành vận tải, logistics, đáp ứng nhu cầu thực tế. Tăng cường liên kết với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, các doanh nghiệp để đảm bảo xây dựng kế hoạch đào tạo hợp lý, đáp ứng và ngày càng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lĩnh vực vận tải.

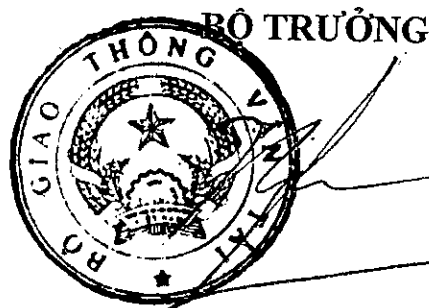
6. Viện Chiến lược và phát triển Giao thông vận tải: Phối hợp với các Vụ, Tổng cục, Cục tham mưu cho Bộ Giao thông vận tải xây dựng quy hoạch cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, định mức và thực hiện các đề án được giao để thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực vận tải theo đúng mục tiêu và lộ trình thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Công TTĐT Bộ GTVT, Báo GT;
- Lưu: VT, V.Tải (Lg10).



Trương Quang Nghĩa



PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TÀI CƠ CẤU VẬN TẢI

(Ban hành kèm Quyết định số 744/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT			
1	Nghiên cứu sửa đổi Luật Giao thông đường bộ	TCĐBVN	Vụ PC	2017 - 2018
2	Hoàn thành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2014/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghiên cứu ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện	TCĐBVN	Vụ VT	2017
3	Tiếp tục hoàn thiện Luật đường sắt 2005 sửa đổi và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành sau khi được Quốc hội phê duyệt	Cục ĐSVN	Vụ PC	2017 - 2018
4	Hoàn thiện Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ quan tổ chức của Ban Quản lý và khai thác cảng	Cục HHVN	Vụ HTQT	2017
5	Xây dựng Nghị định về quản lý cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải	Cục HHVN	Vụ KCHTGT	2017
6	Hoàn thiện Nghị định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển	Cục HHVN	Vụ KCHTGT	2017
7	Hoàn thiện Nghị định quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện, cơ sở tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải	Cục HHVN	Vụ TCCB	2017
8	Xây dựng Nghị định quy định về đầu tư, xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn	Cục HHVN	Vụ KCHTGT	2017
9	Xây dựng Thông tư quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam; chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên; việc tiếp nhận học viên thực tập trên tàu biển Việt Nam	Cục HHVN	Vụ TCCB	2017 - 2018
10	Xây dựng Nghị định về quản lý đường thủy và cảng, bến thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ KCHTGT	2017 - 2018
11	Xây dựng Nghị định quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ KCHTGT	2017 - 2020

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
12	Xây dựng Nghị định quản lý phương tiện thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ VT	2017 - 2020
13	Xây dựng Nghị định về điều kiện kinh doanh cảng, bến thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ KCHTGT	2017 - 2020
14	Nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 110/2014/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ VT	2017 - 2020
15	Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 47/2015/TT-BGTVT ngày 14/9/2015 quy định phạm vi trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ TCCB	2017
16	Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ VT	2017 - 2018
17	Xây dựng quy trình quản lý chất lượng công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ KCHTGT	2017 - 2018
18	Xây dựng Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng vị trí neo, đậu thuộc khu vực cảng, bến thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ TC	2017 - 2018
19	Xây dựng Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí luồng, lạch đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ TC	2017-2018
20	Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 40/2010/TT-BGTVT quy định về công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ ATGT	2017 - 2018
21	Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách bao gồm cơ chế phối hợp hàng không - quân sự trong việc quản lý, phát triển loại hình kinh doanh hàng không chung	Cục HKVN	Vụ PC, VT	2016 - 2020
22	Xây dựng thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29/8/2014 quy định chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không và Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27/4/2015 quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không	Cục HKVN	Vụ VT	2017

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
II. PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VẬN TẢI				
1	Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư trạm dừng nghỉ trên quốc lộ	TCĐBVN	Vụ VT, Ban PPP	2017 - 2018
2	Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vận tải đầu tư phương tiện vận tải đường bộ chất lượng cao, thân thiện với môi trường.	TCĐBVN	Cục ĐKVN, Vụ KHCN, Vụ MT	2017
3	Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên cấp đất, mặt bằng tại các cảng hàng không cho hoạt động vận tải, bảo dưỡng tàu bay, logistics	Cục HKVN	Vụ KHĐT	2017
4	Nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển vận tải hàng không	Cục HKVN	Vụ VT	2017 - 2020
5	Nghiên cứu phát triển vận tải Ro-Ro trên hành lang vận tải biển Bắc - Nam	Cục HHVN	Vụ VT	
6	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sản phẩm, phát triển đội tàu bay	Cục HHVN	Vụ VT, Vụ QLDN	2017 - 2020
7	Tiếp tục triển khai các phương án tối ưu hóa các đường bay không lưu	Cục HKVN	Vụ VT	2017 - 2020
8	Tăng cường công tác đàm phán, ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế song phương, đa phương trong lĩnh vực hàng không dân dụng theo hướng mở cửa bầu trời, tự do hóa thương quyền 3, 4; mở rộng tự do hóa thương quyền 5	Cục HKVN	Vụ HTQT	2017 - 2020
III. PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG KẾT NỐI				
1	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Cục HKVN	Vụ KHĐT	2017
2	Xây dựng Quy hoạch chi tiết hệ thống cảng cạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Cục HKVN	Vụ KHĐT	2017
3	Quy hoạch bến xe tải trên phạm vi cả nước đến năm 2030, tầm nhìn sau năm 2030	TCĐBVN	Vụ VT	2020 - 2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện Quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ	TCĐBVN	Vụ VT	2017 - 2020
5	Xây dựng quy hoạch hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ phục vụ vận tải hành khách	TCĐBVN	Vụ VT	2017 - 2020
6	Quy hoạch chi tiết các ga đường sắt trên mạng đường sắt Việt Nam	Cục ĐSVN	Vụ KHĐT	2017 - 2018
7	Nâng cấp đồng bộ thiết bị thông tin trên toàn hệ thống đường sắt	Cục ĐSVN	Vụ KCHTGT	2018 - 2020
8	Nâng cấp đường sắt Bắc - Nam (đoạn Hà Nội - Vinh, TP.HCM - Nha Trang)	Cục ĐSVN	Vụ KHĐT	2017 - 2025
9	Nghiên cứu, xây dựng các tuyến đường sắt kết nối với các cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp, du lịch như: Lạch Huyện, Nghi Sơn, Cửa Lò, Vũng Áng, Chân Mây, Liên Chiểu, Dung Quất, Quy Nhơn, Phan Thiết...	Cục ĐSVN	Vụ KHĐT	2017 - 2025
10	Nghiên cứu đầu tư, kết nối các cảng biển trên toàn quốc với hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa	Cục HHVN	Vụ KHĐT	2017 - 2020
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến vận tải thủy tuyến vùng hồ Sơn La, tuyến Vũng Tàu - Thị Vải - Sài Gòn - Mỹ Tho - Cần Thơ, tuyến sông Đồng Nai.	Cục ĐTNĐVN	Vụ KCHTGT	2017 - 2020
12	Xây dựng Quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng GTVT đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ KHĐT	2017 - 2020
13	Thực hiện xã hội hóa đầu tư nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Móng Cái (từ Vạn Gia-Ka Long), luồng cửa Trà Lý	Cục ĐTNĐVN	Vụ KCHTGT	2017 - 2020
14	Điều chỉnh các quy hoạch chi tiết hệ thống cảng thủy nội địa khu vực phía Bắc, phía Nam và xây dựng quy hoạch chi tiết hệ thống cảng thủy nội địa khu vực miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	Cục ĐTNĐVN	Vụ KHĐT	2017 - 2020
15	Tập trung vào công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) để sớm triển khai xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành	Cục HKVN	Vụ KHĐT	2017 - 2018
16	Mở rộng các nhà ga tại Sân bay Tân Sơn Nhất và Nội Bài.	Cục HKVN	Vụ KHĐT	2017 - 2020

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
17	Nghiên cứu xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức giao thông quanh khu vực sân bay Tân Sơn Nhất nhằm giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông.	Cục HKVN	Vụ KHĐT	2017 - 2018
18	Triển khai thực hiện Đề án Nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng hàng không	Cục HKVN	Vụ KCHTGT	2017 - 2020
19	Tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh các cơ chế, chính sách khuyến khích nhà đầu tư tham gia xây dựng KCHTGT	TCĐBVN, các Cục	Ban PPP, Vụ KHĐT	2017 - 2020
IV. ÁP DỤNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ				
1	Áp dụng công nghệ RFID để triển khai đồng bộ hệ thống thu phí không dừng trên toàn quốc trước năm 2020; sau năm 2020 sẽ triển khai thu phí tự động hoàn toàn tại tất cả trạm BOT	TCĐBVN	Vụ KHCN	2017 - 2020
2	Xây dựng các phần mềm quản lý tuyến cố định, quản lý vận tải khách theo hợp đồng; phần mềm tổng hợp kết quả hoạt động của các Sàn Giao dịch vận tải	TCĐBVN	TT CNTT, Vụ VT	2017 - 2018
3	Tiếp tục hoàn thiện Trung tâm tích hợp và xử lý dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình để tích hợp dữ liệu của phương tiện kinh doanh vận tải theo lộ trình quy định tại Nghị định 86/2014/NĐ-CP	TCĐBVN	TT CNTT, Vụ VT	2017 - 2020
4	Nghiên cứu quy chuẩn, tiêu chuẩn vé điện tử được sử dụng chung trong hoạt động vận tải hành khách	TCĐBVN	Vụ KHCN, Vụ VT	2017 - 2018
5	Xây dựng Đề án lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (AIS) và trang bị thiết bị VHF trên phương tiện thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN	Vụ KHCN	2017
6	Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động vận tải, đặc biệt là đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư	TCĐBVN, các Cục	TT CNTT, Vụ VT	2017 - 2020
7	Áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý khai thác vận tải hành khách	TCĐBVN, các Cục	Vụ VT	2017 - 2020

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
V.	MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC			
1	Tiếp tục thực hiện đề án “Đổi mới toàn diện công tác quản lý vận tải đường bộ theo hướng hiện đại, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm thiểu tai nạn giao thông” và Đề án “Nghiên cứu tổ chức, quản lý và hoạt động của Sân Giao dịch vận tải hàng hóa”	TCĐBVN	Các Vụ	2017 -2020
2	Phát triển mạng lưới tuyến xe buýt từ trung tâm tỉnh, TP đến các khu vực đông dân cư và kết nối một số địa phương trên một số tuyến có lưu lượng đi lại lớn	Sở GTVT	TCĐBVN	2017 - 2025
3	Tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế như WB, ADB, JICA và các nhà tài trợ khác để kêu gọi nguồn tài trợ xây dựng Sân giao dịch vận tải, các dự án sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	TCĐBVN, các Cục	Vụ HTQT	2017-2020
4	Xây dựng dự án trung tâm thử nghiệm an toàn và khí thải cho phương tiện	Cục ĐKVN	Vụ KHCN	2017 - 2020
5	Xây dựng phương án khai thác tổ chức chạy tàu kết nối với đường sắt Trung Quốc trên tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai - Côn Minh giữa ga Lào Cai và ga Hà Khẩu mới khổ 1435 mm	Cục ĐSVN	Vụ VT, Vụ HTQT	2017
6	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc đáp ứng các yêu cầu về chất lượng dịch vụ vận tải	TCĐBVN, các Cục	Vụ VT	2017 - 2020
7	Thực hiện việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của hành khách về dịch vụ hàng không	Cục HKVN	Vụ VT	2017 - 2020
8	Tăng cường hợp tác với ngành du lịch trong các hoạt động quảng bá phát triển du lịch, phát động thị trường, quảng bá điểm đến, visa du lịch	Cục HKVN	Vụ VT	2017 - 2020
9	Thực hiện Đề án nghiên cứu, chuẩn bị và triển khai kế hoạch nâng cấp các khối hệ thống hàng không (ASBU) nhằm đảm bảo an ninh, an toàn hàng không	Cục HKVN	Vụ VT	2017 - 2020
10	Xây dựng Kế hoạch hành động phát triển dịch vụ logistics quốc gia đến năm 2020	Vụ VT	Các cơ quan, đơn vị	2017 - 2020

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
11	Rà soát, đổi mới, các chương trình đào tạo liên quan đến ngành vận tải, logistics (bao gồm cả nội dung đào tạo người điều khiển phương tiện vận tải)	Các Trường, Học viện thuộc Bộ	Vụ VT, Vụ TCCB, các Cục, Tổng cục	2017 - 2020
12	Khảo sát, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về vận tải, logistics cho cán bộ, công chức, viên chức ngành GTVT	Trường Cán bộ quản lý GTVT	Vụ VT, Vụ TCCB, các Trường, Học viện	2017 - 2020